TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 21/2025/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 14 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Kim N**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Nay là Tổ dân phố 1, xã P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh **Trần Quốc S**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Nay là Tổ dân phố 1, xã P, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 06 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị Kim N và anh Trần Quốc S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con khi ly hôn:

Chị Trịnh Thị Kim N và anh Trần Quốc S có 03 con chung là Trần Thị Thu T, sinh ngày 12/02/2002; Trần Thị Thu T1, sinh ngày 18/12/2005 và Trần Hải Đ, sinh ngày 05/7/2011. Chị Trịnh Thị Kim N và anh Trần Quốc S thoả thuận con chung là các cháu Trần Thị Thu T, sinh ngày 12/02/2002 và Trần Thị Thu T1, sinh ngày 18/12/2005 đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con chung là cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 05/7/2011 cho chị Trịnh Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của con chung) cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Thị Kim N và anh Trần Quốc S thỏa thuận anh Trần Quốc S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Thị Kim N và anh Trần Quốc S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Chị Trịnh Thị Kim N và anh Trần Quốc S thoả thuận, chị N tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*, được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007310 ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Chị Trịnh Thị Kim N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Trịnh Thị Kim N số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007310 ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 8 – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Văn Quảng